

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST.

Ngày: 23/6/2020

V/v Tranh chấp

hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Lánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: số 13/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 (*Thụ lý cũ số 102/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2020*) về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Võ T M sinh năm 1965. Địa chỉ: TDP 7, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. (đã chết)

Những người thừa kế tham gia tố tụng của nguyên đơn:

1. Ông Phạm T. Địa chỉ: TDP 7, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Anh Phạm V B. Địa chỉ: TDP 7, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Anh Phạm V N. Địa chỉ: TDP 7, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Có mặt

4. Chị Phạm T D M. Địa chỉ: TDP 7, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

5. Anh Phạm V L. Địa chỉ: TDP 7, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Có mặt

Bị đơn: Ông Trần K D. Vắng mặt; Bà Nguyễn T C (tên gọi khác Nguyễn T G), Có mặt

Địa chỉ: Cùng trú tại: Thôn 5, xã Z, huyện X, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai đề ngày 10/01/2020 của bà Võ T M

Vào ngày 02/01/2019, ông Trần K D và bà Nguyễn T C (tên gọi khác là Nguyễn T G) có đến nhà vay tôi số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); ngày 16/1/2019 ông D và bà C tiếp tục đến nhà và vay tôi số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng); tiếp đó đến ngày 03/02/2019, bà C có đến nhà vay tôi thêm số tiền 5.000.000 (Năm triệu đồng) khi vay mượn tiền không có thể chấp tài sản gì cho tôi. Khoản nợ đã một năm nhưng ông D và bà C vẫn không trả số nợ trên.

Nay tôi yêu cầu tòa án buộc ông Trần K D và bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) trả số tiền gốc là 177.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi là 32.120.000 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm hai trăm ngàn đồng). Tổng số tiền cả gốc lẫn lãi là 209.120.000 đồng (Hai trăm linh chín triệu một trăm hai mươi ngàn đồng). Tôi yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1.6%/1 tháng đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 15/4/2020, và Võ T M đã chết do tai nạn. Vì vậy những người thừa kế tham gia tố tụng của bà Võ T M bao gồm: Ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Phạm V L đại diện cho những người tham gia tố tụng trình bày:

Mẹ tôi có cho bà Nguyễn T C và ông Trần K D vay số tiền theo như bản tự khai của mẹ tôi, tôi và mẹ đã đến nhà bà C và ông D đòi số tiền này nhiều lần nhưng bà C và ông D không có thiện chí trả nợ cho gia đình chúng tôi. Vì vậy nay tôi đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) và ông Trần K D phải trả số tiền 209.120.000 đồng (Hai trăm linh chín triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) cho gia đình chúng tôi trước ngày 07/5/2021 và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1.6%/ 1 tháng đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai đề ngày 18/2/2020 và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Trần K D và bà Nguyễn T C trình bày:

Ông Trần K D trình bày: Tôi thừa nhận ký vào giấy vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), còn 02 giấy nợ kia tôi không ký nên tôi không đồng ý có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000 (Năm triệu đồng) và 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng). Tôi đồng ý trả lãi cho số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Hiện tại điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi xin gia đình chị Minh khi nào có tôi sẽ trả.

Bà Nguyễn T C trình bày: Giấy 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là tôi và anh D cùng ký vay tiền, giấy 5.000.000 (Năm triệu đồng) là một mình tôi ký vay, giấy 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) là tôi ký vay và có ký thay cho chồng tôi vào giấy vay tiền. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi xin được trả dần số tiền gốc và tiền lãi trên trong 2,5 năm kể từ 6/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và áp dụng luật:

Xét thấy việc bà Võ T M khởi kiện yêu cầu ông Trần K D và bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) trả nợ tiền theo hợp đồng vay tiền được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. ông Trần K D và bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) cư trú tại thôn 5, xã Z, huyện X, tỉnh Y. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ T M là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y.

Ngày 15/4/2020 bà Võ T M chết do tai nạn, vì vậy căn cứ khoản 1, điều 74 bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L là những người thừa kế tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận: Giữa bà Võ T M, ông Trần K D và bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) có quan hệ vay mượn tài sản để làm ăn. Ông Trần K D và bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) vay mượn tiền để đầu tư cà phê và đảo nợ ngân hàng với số tiền 177.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng) theo các giấy vay tiền ngày 02/01/2019, 16/01/2019, 03/02/2019. Khi vay hai bên có đều xác nhận ký tên. Xét thấy hợp đồng vay được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, bà Võ T M đòi nhiều lần nhưng ông Trần K D và bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) vẫn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà Võ T M (đã chết), Yêu cầu của những người thừa kế tham gia tố tụng ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L là có cơ sở pháp lý vì vậy hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”. Do đó, việc các bên đương sự thỏa thuận về việc trả lãi theo hợp đồng vay là 1.6%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau:

- Số tiền lãi trên số tiền 100.000.000 đồng, tính từ ngày 02/01/2019 đến ngày bà Minh khởi kiện là 18.500.000 đồng

- Số tiền lãi trên số tiền 5.000.000 đồng, tính từ ngày 16/01/2019 đến ngày bà Minh khởi kiện là 840.000 đồng

- Số tiền lãi trên số tiền 72.000.000 đồng, tính từ ngày 03/02/2019 đến ngày bà Minh khởi kiện là 17.780.000 đồng

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Võ T M yêu cầu ông Trần K D và bà Nguyễn T C trả cho bà số tiền gốc là 177.000.000 đồng của 03 giấy nợ. Cụ thể giấy vay ngày 02/01/2019; giấy vay ngày 16/01/2019; giấy vay ngày 03/02/2019. Hội đồng xét xử xét thấy tại bản tự khai ngày 18/2/2020 ông Trần K D chỉ thừa nhận ký và viết vào giấy vay tiền ngày 02/01/2019 với số tiền 100.000.000 đồng, ông chỉ chịu trách nhiệm trả số tiền này cho bà Minh, còn lại 02 giấy vay ngày 16/1/2019 và ngày 03/2/2019 ông không ký và viết nên ông không chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Minh. Việc này cũng được bà C thừa nhận có ký và viết tên ông Trần K D vào giấy vay ngày 03/02/2019; trong giấy vay ngày 16/01/2019 ông D không ký và bà C cũng không tự ý viết vào.

Như vậy có đủ cơ sở chỉ buộc ông Trần K D phải chịu trách nhiệm liên đới với bà C trả nợ cho bà Minh số tiền 100.000.000 đồng của giấy vay ngày 02/01/2019. Còn lại số tiền 77.000.000 đồng của 02 giấy vay ngày 16/1/2019 và ngày 03/02/2019 trách nhiệm trả nợ là của bà Nguyễn T C. Tại phiên tòa hôm nay những người thừa kế tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Võ T M và bị đơn bà Nguyễn T C thỏa thuận về thời hạn trả nợ như sau:

Ông Trần K D có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) trả số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền gốc và lãi tính từ ngày 02/01/2019 cho đến ngày bà Võ T M nộp đơn ra Tòa án là 18.500.000 đồng. Tổng cộng là 118.500.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu năm trăm ngàn đồng*) cho những người thừa kế của bà Minh là Ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L. Cụ thể:

+ Ngày 23/12/2020: Trả số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, 9.000.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

+ Ngày 23/6/2021: Trả số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, 9.500.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

Bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 77.000.000 đồng (*bảy mươi bảy triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 16/1/2019 và ngày 03/02/2019 đến bà Võ T M nộp đơn ra Tòa án là 13.620.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng*). Tổng cộng là 90.620.000 đồng (*Chín mươi triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng*) cho những người thừa kế của bà Minh là Ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L. Cụ thể:

+ Ngày 23/12/2021: Trả số tiền 38.500.000 đồng tiền gốc, 7.000.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 38.500.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

+ Ngày 23/6/2022: Trả số tiền 38.500.000 đồng tiền gốc, 6.620.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 38.500.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về thời hạn trả nợ, lãi suất trên là tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày hôm nay, người thừa kế tố tụng của nguyên đơn ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần K D vắng mặt, ông Trần K D đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa những người thừa kế tham gia tố tụng của nguyên đơn là anh Phạm V N, anh Phạm V L và bị đơn bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của ông D để xét xử vắng mặt ông D. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định xét xử vắng mặt người thừa kế tố tụng của nguyên đơn ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M và bị đơn ông Trần K D

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ T M được chấp nhận nên bị đơn ông Trần K D và bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Võ T M (Những người thừa kế tham gia tố tụng ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 74, khoản 2 điều 227 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 280; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ T M đề ngày 15/12/2019

Buộc Ông Trần K D có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) trả số tiền gốc 100.000.000 và số tiền lãi 18.500.000 đồng, tổng cộng là 118.500.000 đồng cho những người thừa kế tham gia tố tụng của bà

Võ T M là ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L, cụ thể:

+ Ngày 23/12/2020: Trả số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, 9.000.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

+ Ngày 23/6/2021: Trả số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, 9.500.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

Buộc bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) có trách nhiệm trả số tiền 77.000.000 triệu tiền gốc và 13.620.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 90.620.000 đồng cho những người thừa kế tham gia tố tụng của bà Võ T M là ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L, cụ thể:

+ Ngày 23/12/2021: Trả số tiền 38.500.000 đồng tiền gốc, 7.000.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 38.500.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

+ Ngày 23/6/2022: Trả số tiền 38.500.000 đồng tiền gốc, 6.620.000 đồng tiền lãi và tiền lãi của số tiền gốc 38.500.000 đồng theo lãi suất là 1,6% /1 tháng tính từ ngày 24/6/2020 cho đến khi trả đủ số tiền nợ gốc trên.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà cho những người thừa kế tham gia tố tụng của bà Võ T M là ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần K D và bà Nguyễn T C chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, 18, 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần K D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả 59.250.000 đồng là 2.962.500 đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*)

Bà Nguyễn T C (Nguyễn T G) phải chịu phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả 149.870.000 đồng là 7.493.500 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Võ T M (Những người thừa kế tham gia tố tụng ông Phạm T, anh Phạm V B, anh Phạm V N, chị Phạm T D M, anh Phạm V L) số tiền 4.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000689 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/6/2020), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Y;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THA dân sự huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA